TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà;

2. Bà Cao Thị Bích Ngọc;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST- HN ngày 8 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST- HN ngày 24/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh X quen biết tìm hiểu nhau vào năm 1996, đến năm 1997 có tổ chức cưới và chung sống với nhau đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015, thì anh X bắt đầu đánh số đề, tiền đi làm anh X sử dụng để đánh số đề, không đưa tiền cho chị Đ để lo cho gia đình. Chị Đ cũng khuyên nhủ nhiều lần, anh X cũng hứa hẹn

sẽ thay đổi, anh X cũng xuống tóc để hứa bỏ số đề nhưng rồi cũng không bỏ được, anh X chơi số đề gây nợ, chị Đ còn trả nợ tiếp cho anh X. Chị Đ cũng nhờ mẹ chồng khuyên nhưng anh X cũng không bỏ được số đề. Thời gian chung sống chị Đ phải tự đi làm kiếm tiền để lo cho các con và các chi phí sinh hoạt trong gia đình. Trước đây vì các con còn nhỏ ăn học nên chị Đ cố gắn chịu đựng, nhưng nay các con đã lớn nên chị Đ quyết định ly hôn với anh X. Chị Đ và các con đã thuê nhà trọ sinh sống từ ngày 17/07/2025 âl nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh X cũng động viên chị Đ đoàn tụ chung sống trở lại tuy nhiên chị Đ cảm thấy đã cho anh X cơ hội sửa đổi nhiều lần nhưng anh X đã không sửa đổi được nên chị Đ không đồng ý trở về chung sống anh X. Do không còn tình cảm nên chị Nguyễn Hồng Đ xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh X.

Về con chung: thời gian chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 23/12/1998; Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 10/4/2000 (chết ngày 17/01/2023); Nguyễn Hồng N, sinh ngày 12/10/2008 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 24/03/2013. Chị Đ yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Hồng N và Nguyễn Thanh Q sau khi ly hôn, chị Đ không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Thanh H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay Hồng N và Thanh Q đang sống cùng chị X.

Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: chị Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Thanh X Trình bày:

Anh X và chị Đ quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 1997, năm 1998 có tổ chức cưới và chung sống với nhau đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Thời gian sau này anh X có chơi số đề, nên đi làm không đưa tiền cho chị Đ để lo cho gia đình. Đến năm 2025, do anh X thiếu nợ nhiều nên anh bỏ nhà đi trốn nợ từ khoảng tháng 4-5 năm 2025 âl. Đến tháng 7/2025 âl anh X trở về nhà chung của vợ chồng thì chị Đ và các con đã dọn ra thuê nhà trọ sinh sống cho đến nay. Vì vậy vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 âl cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh X cũng động viên chị Đ trở về chung sống trở lại nhưng chị Đ không đồng ý. Hiện nay do còn tình cảm với chị Đ nên chị Đ xin ly hôn thì anh X không đồng ý.

Về con chung: anh X và chị Đ chung sống với nhau có 04 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 23/12/1998; Nguyễn Thanh H1 sinh ngày 10/4/2000 (chết ngày 17/01/2023); Nguyễn Hồng N, sinh ngày 12/10/2008 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 24/03/2013. Nếu ly hôn thì anh X đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi cháu Hồng N và Thanh Q sau khi ly hôn, anh X không cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Thanh H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn Thông báo nộp tạm ứng án phí và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên toà Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đương sự đã thực hiện đúng theo điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung 2025.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ điều 9, 19, 56, 81, 82, Luật hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng Đ, chị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Thanh X.

Về con chung: chị Đ được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con tên Nguyễn Hồng N sinh ngày 12/10/2008 và Nguyễn Thanh Q sinh ngày 24/03/2013 đến khi trưởng thành, anh X không cấp dưỡng nuôi con. Anh X được quyền chăm sóc nuôi con chung không ai được cản trở. Nguyễn Thanh H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: chị Đ và anh X xác định không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Hồng Đ và anh Nguyễn Thanh X là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh X có địa chỉ tại ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự 2025.

Chị Nguyễn Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh X.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hồng Đ và anh Nguyễn Thanh X chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do anh X tham gia đánh số đề, tiền lương đi làm anh X cũng sử dụng và đánh đề không đưa cho chị Đ để chăm lo cho các con và gia đình. Chị Đ cũng động viên nhiều lần, cũng nhờ mẹ ruột anh X động viên,

anh X cũng hứa sửa đổi nhưng không thực hiện được nên chị và các con đã thuê nhà trọ ở nới khác sinh sống từ tháng 7/2025 âl nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy, thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh X chơi số đề không lo cho các con và gia đình, chị Đ và người thân cũng động viên nhiều lần anh X cũng hứa thay đổi nhiều lần nhưng anh X cũng không sửa đổi được. Vì vậy chị Đ đã thuê nhà trọ sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2025 âl đến nay. Thời gian sống ly thân anh X cũng động viên, tìm cách hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống trở lại nhưng chị Đ xác định không còn tình cảm và không còn tin tưởng anh X nên chị Đ kiên quyết xin ly hôn với anh X. Điều đó chứng tỏ rằng giữa chị Đ và anh X đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng Đ được ly hôn với anh Nguyễn Thanh X.

[2.2] Về con chung: chị Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 12/10/2008 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 24/03/2013, chị Đ không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị Đ và anh X sống ly thân cháu N và cháu Q sống với chị Đ cho đến nay cuộc sống của các cháu đã ổn định, chị Đ cũng đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Nguyện vọng của cháu N và cháu Q cũng muốn được sống với chị Đ. Anh X cũng đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu Q sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của cháu N và cháu Q nên giao các cháu cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Nguyễn Thanh H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị Đ và anh X không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị Đ và anh X trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị Đ và anh X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và luật sửa đổi một số điều Bộ luật tố tụng dân sự 2025.

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Hồng Đ được ly hôn với anh Nguyễn Thanh X.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 12/10/2008 và Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 24/03/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu N và cháu Q đang sống với chị Đ). Nguyễn Thanh H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị Đ1 và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh X có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* chị Đ và anh X trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* chị Đ và anh X xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp ngày 09/10/2025 theo biên lai số 0004092 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được chuyển thành án phí chị Đ phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THA DS Khu vực 8;
- UBND xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long): số 112 ngày 16/10/2002;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan